

Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SEASPIMEX - VIETNAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34 /BC-TĐS-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO
Thường niên năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
- Tên tiếng Anh: SPECIAL AQUATIC PRODUCTS JOINT-STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: SEASPIMEX-VIETNAM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302598530, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 04 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 03 tháng 3 năm 2022.
- Vốn điều lệ: 108.000.000.000 đồng (*Một trăm lẻ tám tỷ đồng chẵn*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 108.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 51/14 Hòa Bình, P. Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Tp.HCM.
- Số điện thoại: (028) 37608215
- Số fax: (028) 37608213
- Website: www.seaspimex.com.vn
- Email: info@seaspimex.vnn.vn
- Mã cổ phiếu: SPV
- Quá trình hình thành và phát triển của Công ty:

Ngày 01/09/1983, Công ty Xuất nhập khẩu Thủy Đặc Sản (SEASPIMEX VIETNAM) được hình thành trên cơ sở tách Phòng Kinh doanh của Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam (SEAPRODEX VIETNAM), đánh dấu bước phát triển lớn mạnh của Tổng Công ty Thủy sản nói riêng và Ngành thủy sản lúc bấy giờ nói chung.

Ngày 11/01/2002, Công ty Xuất nhập khẩu Thủy Đặc Sản hoàn tất thủ tục cổ phần hóa, được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản (SEASPIMEX - VIETNAM).

Trải qua 40 năm hình thành và phát triển, Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản – (SEASPIMEX - VIETNAM) đã góp một phần không nhỏ cho ngành vào công cuộc đổi mới

đất nước. Với sự lớn mạnh của mình, Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản được nhà nước phong tặng “*Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới*” và được Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam chọn là đơn vị đầu tiên trong ngành về việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Sau khi chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, Công ty đã chủ động tự cân đối, tự trang trải nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhờ hoạch định những chiến lược đúng hướng nên việc sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng được mở rộng, cụ thể:

+ Ngày 01/09/2008, Nhà máy Bình Chánh đã đưa vào hoạt động với công suất hơn 15.000 tấn thành phẩm/năm.

+ Ngày 01/01/2011, Công ty chính thức trình diện bộ nhận diện thương hiệu mới cho tất cả các hạng mục: logo, các ấn phẩm văn phòng, trang web, bao bì cho toàn bộ sản phẩm...

Từ khi thành lập, Công ty luôn chú trọng tập trung vào chất lượng sản phẩm và phát triển các sản phẩm thủy hải sản giá trị gia tăng mới cho thị trường. Vì vậy, thương hiệu Seaspimex luôn tự hào được tin tưởng ở cả thị trường Việt Nam và quốc tế với phương châm “*Chất Lượng Tạo Nên Sự Khác Biệt*”

- Niêm yết: Cổ phiếu Công ty chưa niêm yết, hiện đăng ký giao dịch UPCOM.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: (Các ngành nghề kinh doanh chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
1	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản <i>Chi tiết: Sản xuất thủy hải sản (không hoạt động tại trụ sở)</i>	1080
2	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản <i>Chi tiết: Chế biến, đóng hộp thủy hải sản; dịch vụ bảo quản thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)</i>	1020 (Chính)
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Kinh doanh nhà ở. Dịch vụ cho thuê nhà, kho, kho lạnh.</i>	6810

- Địa bàn kinh doanh: Sản phẩm Công ty phần lớn xuất khẩu sang các thị trường Châu Mỹ, Châu Âu, Châu Á và tiêu thụ tại thị trường nội địa.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị: Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị Công ty (gồm 05 thành viên):

- Ông Huỳnh An Trung Chủ tịch
- Ông Trần Phước Thái Thành viên

- Ông Diệp Nam Hải Thành viên
- Ông Đặng Thành Trung Thành viên
- Ông Lê Văn Hùng Thành viên

Ban Kiểm soát Công ty (gồm 03 thành viên):

- Ông Phạm Văn Tranh Trưởng ban
- Bà Vũ Thị Hồng Gấm Thành viên
- Ông Phạm Xuân Quang Thành viên

Ban Điều hành Công ty gồm 04 thành viên:

- Ông Đặng Thành Trung Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Minh Thi Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm PTGD từ ngày 20/5/2022)
- Bà Nguyễn Kim Hậu Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trương Minh Thông Kế toán trưởng

Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản bao gồm các phòng ban, phân xưởng, chi nhánh, địa điểm kinh doanh sau:

- Phòng Kế toán – Tài chính;
- Phòng Hành chính – Nhân sự;
- Phòng Kinh doanh Nội địa;
- Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu;
- Phòng Kế hoạch & Cung ứng vật tư nguyên liệu;
- Phòng Quản lý chất lượng;
- Phòng Nghiên cứu sản phẩm;
- Phòng Kho vận;
- Phòng Kỹ thuật – Cơ điện;
- Các phân xưởng sản xuất: Phân xưởng Cá Hồi, Phân xưởng Đồ Hộp, Phân xưởng Súc Sản, Phân xưởng Đông Lạnh.

- Chi nhánh Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản – Xi nghiệp Thủy sản Ba Tri

+ Địa chỉ: Xã An Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

+ Khuôn viên: 5.000m²

+ Công suất: 2.000 tấn/ năm

Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất, chế biến các sản phẩm hải sản đông lạnh như tôm càng, bạch tuộc, đùi ếch...

- Chi nhánh Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản tại Hà Nội

+ Địa chỉ : 101 TT Bộ Thủy Sản, Ngõ 20 Nguyễn Công Hoan, Q. Ba Đình, Hà Nội

+ Điện thoại : 024. 37711168 - 024. 37712498

+ Fax : 024. 37719431

989
GT
HÀ
ẶC
HỒ

Là đơn vị được ủy quyền quản lý, ký kết các hợp đồng và bán hàng cho thị trường từ Thành phố Vinh trở ra Bắc.

- Địa điểm kinh doanh: Nhà máy Chế biến thủy sản.

Địa chỉ : B23/63 Hoàng Phan Thái, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 37608215

Fax : (028) 37608213

Khuôn viên : 30.000m²

Công suất : 15.000 tấn/ năm

- Các công ty con, công ty liên kết: *Không có*

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tính cạnh tranh, đạt tỷ suất lợi nhuận tối ưu.

Thực hiện đúng các chế độ tài chính kế toán theo Quy định của Nhà nước, thực hiện tốt các chính sách thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

Không ngừng nâng cao đời sống cho CB.CNV Công ty, thực hiện đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật lao động (tham gia BHXH, BHYT, BHTN, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV...).

Đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho các cổ đông.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Khai thác tối đa công suất các phân xưởng, tăng tính hiệu quả, đảm bảo phát triển bền vững, ổn định và lâu dài cho doanh nghiệp.

Hoàn thiện bộ máy quản lý theo chiều hướng tinh gọn và hiệu quả.

Tiếp tục cải thiện điều kiện thiết bị và áp dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động.

Xây dựng và quảng bá hình ảnh Công ty, đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu, đầu tư cho hệ thống phân phối thị trường nội địa, giữ vững uy tín và chất lượng sản phẩm.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

Hưởng ứng và tích cực tham gia các hoạt động về bảo vệ môi trường. Thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa doanh nghiệp, thực hiện chính sách tiết kiệm, phòng chống lãng phí.

Tạo công ăn việc làm cho người lao động có thu nhập ổn định và không ngừng nâng cao đời sống cho người lao động.

Xây dựng quỹ mái ấm công đoàn, trợ cấp khó khăn cho người lao động bằng phương thức cho vay không tính lãi, cấp học bổng cho con CB.CNV học giỏi có hoàn cảnh khó khăn. Tổ chức thăm hỏi các CB.CNV khi ốm đau, thai sản và tặng quà cho CB.CNV có hoàn cảnh khó khăn và dịp Tết Nguyên đán ...

30-4
Y
N
ÁN
-HI

5. Các rủi ro

Nguồn nguyên liệu không ổn định, cạnh tranh thu mua nguyên liệu gay gắt trong khi Công ty đang thiếu hụt nguồn vốn lưu động, ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng kịp thời các đơn hàng của khách hàng.

Lực lượng lao động so với công suất của máy móc thiết bị đang bị thiếu hụt nghiêm trọng, hiện tại rất khó tuyển dụng do đặc thù của ngành chế biến thủy sản.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng của hậu dịch Covid-19 và biến động của nền kinh tế thế giới;

Máy móc thiết bị cũ, công suất thấp, chi phí sửa chữa vận hành cao, khó tuyển dụng công nhân trực tiếp sản xuất;

Nguồn nguyên liệu thủy hải sản ngày càng khan hiếm dẫn đến giá thành tăng, tỷ suất lợi nhuận giảm;

Tình hình tài chính của Công ty vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn vốn vay, chi phí phòng chống dịch Covid cao, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận Công ty;

Sau hơn 14 năm hoạt động, cơ sở hạ tầng nhà máy tiếp tục xuống cấp hư hỏng, thường xuyên sửa chữa duy trì. Cơ quan chức năng giảm sản lượng khai thác nguồn nước cấp, kiểm tra chặt xử lý nước thải, khói thải... đã gây không ít khó khăn cho hoạt động sản xuất. Bên cạnh đó việc hạn chế tải trọng theo giờ đường dẫn vào công ty làm hạn chế lưu thông hàng hóa ra vào Công ty;

Bộ máy tổ chức Công ty ổn định, lực lượng lao động gián tiếp được tổ chức tinh gọn, tập thể CB.CNV đoàn kết cùng hướng đến mục tiêu SXKD của Công ty.

Tuy nhiên, Ban Lãnh đạo, Điều hành Công ty đã nỗ lực để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao, cụ thể kết quả thực hiện năm 2022:

Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh (%)	
					Kế hoạch	Cùng kỳ
I. NHÀ MÁY SEASPIMEX						
1. Doanh thu	tỷ đồng	406.49	475.00	407.25	85.7	100.2
Trong đó Doanh số XK	triệu USD	12.15	16.10	12.91	80.2	106.3
2. Sản lượng sản xuất	tấn	1,966.72	2,170.00	1,409.82	65.0	71.7
3. Gia công	tấn	2,588.79	3,000.00	3,087.52	102.9	119.3
4. Lợi nhuận	tỷ đồng	26.64	21.34	17.26	80.8	64.8
II. CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI						
1. Doanh thu	tỷ đồng	28.63	30.00	33.71	112.4	117.8
Trong đó Doanh số XK	triệu USD	0.67	1.30	0.46	35.5	69.2
2. Sản lượng sản xuất	tấn	521.10	550.00	415.32	75.5	79.7
3. Lợi nhuận	tỷ đồng	(7.68)	1.33	(2.60)		

III. CHI NHÁNH HÀ NỘI						
1. Doanh thu	tỷ đồng	11.83	20.00	8.12	40.6	68.7
2. Lợi nhuận	tỷ đồng	1.34	1.33	0.13	9.5	9.4
IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng Nhà máy và các Chi nhánh)						
1. Doanh thu	tỷ đồng	446.94	525.00	422.08	80.4	94.4
Trong đó Doanh số XK	triệu USD	12.81	17.40	13.37	76.8	104.3
2. Sản lượng sản xuất	tấn	2,487.82	2,720.00	1,825.14	67.1	73.4
3. Sản lượng gia công	tấn	2,588.79	3,000.00	3,087.52	102.9	119.3
4. Lợi nhuận	tỷ đồng	20.30	24.00	14.79	61.6	72.9

Doanh thu thực hiện năm 2022: đã loại trừ doanh thu nội bộ. Doanh thu bao gồm doanh thu nội bộ đạt: 449,075 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban Điều hành:

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Thâm niên công tác	Chức vụ	Sở hữu CP (%)
1	Đặng Thành Trung	Nam	16/02/1979	Kỹ sư Điện, Điện tử	03/5/2019	TGD	0,00
2	Nguyễn Minh Thi	Nam	25/01/1982	Kỹ sư Công nghệ thực phẩm	01/6/2020 Miễn nhiệm 20/5/2022	PTGD	0,00
3	Nguyễn Kim Hậu	Nữ	12/5/1984	Cử nhân Kinh tế	01/5/2021	PTGD	0,00
4	Trương Minh Thông	Nam	23/11/1981	Cử nhân Kinh tế	01/02/2020	KTT	0,00

- Những thay đổi trong Ban Điều hành năm 2022:

Ngày 20/5/2022: Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Minh Thi theo nguyện vọng cá nhân.

- Số lượng cán bộ, nhân viên.

+ Số lượng cán bộ nhân viên tính đến thời điểm 31/12/2022: 654 LĐ

+ Thu nhập BQ của người lao động/tháng: 8.149.000 đồng.

- Các chính sách đối với người lao động:

+ Duy trì được đội ngũ lao động lành nghề, đảm bảo thu nhập cho Người lao động, chi trả lương đủ và đúng hạn cho Người lao động. Thu nhập bình quân của Người lao động trong Công ty là 8.149.000 đồng/người/tháng.

+ Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định, Công ty còn tổ chức bữa ăn chiều cho CB.CNV, tặng 15% chi phí bữa ăn trong năm 2022.

+ Hỗ trợ xe đưa rước CB.CNV ở xa nhà máy, hỗ trợ tiền thuê nhà cho Công nhân ngoại tỉnh. Tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB.CNV trong Công ty. Tặng quà sinh nhật, tổ chức tham quan nghỉ dưỡng....

+ Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

STT	Nội dung	ĐVT	Giá trị đầu tư (đồng)
1	Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	VNĐ	0
2	Đầu tư dài hạn khác	VNĐ	1.116.230.738
Tổng cộng		VNĐ	1.116.230.738

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	355.324	310.672	-12,6
Doanh thu thuần	441.176	403.320	-8,6
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	20.525	13.866	-32,5
Lợi nhuận khác	(221)	926	-
Lợi nhuận trước thuế	20.304	14.793	-27,2
Lợi nhuận sau thuế	14.756	10.798	-26,9
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	36,59	-	-
<i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
1. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,1	0,95
Hệ số thanh toán nhanh <i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,54	0,53
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	58,89	52,3
Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	143,25	109,6%

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân	Vòng	1,27	1,21
Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân	Vòng	3,15	3,9
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,34	2,6
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,23	3,2
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	10,35	7,3

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành: 10.800.000 cổ phần
(Mười triệu tám trăm ngàn cổ phần).

Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Tính đến hết ngày 07/3/2023 (Danh sách do VSD cung cấp), Công ty có 396 cổ đông, trong đó cơ cấu cổ đông cụ thể như sau:

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
A	Cổ đông trong nước	385	10.519.400	97,40
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0,00
2	Cổ đông Tổ chức	6	7.413.040	68,64
3	Cổ đông cá nhân	379	3.106.360	28,76
B	Cổ đông Nước ngoài	11	280.600	2,60
TỔNG CỘNG		396	10.800.000	100,00
Trong đó:				
	+ Cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% CP)	4	7.311.920	67,70
	+ Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0 %			

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Quá trình tăng vốn của Công ty kể từ khi trở thành công ty cổ phần:

3026
CỔ Đ
CỔ Đ
HUỖ Đ
HỮU Đ

Ngày 15/04/2002, Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302598530 với vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 68.000.000.000 đồng.

Năm 2007, Công ty tăng vốn điều lệ từ 68.000.000.000 đồng lên 108.000.000.000 đồng, chi tiết:

- Vốn điều lệ trước phát hành: **68.000.000.000** đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: **108.000.000.000** đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành thêm cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng

Phát hành thêm cổ phiếu

- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Mệnh giá: 100.000 đồng/cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 30%
- Ngày chốt danh sách cổ đông: 15/5/2007
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 204.000 cổ phiếu

Phát hành cổ phiếu thưởng

- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Mệnh giá: 100.000 đồng/cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 05%
- Ngày chốt danh sách cổ đông: 15/5/2007
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 34.000 cổ phiếu

Phát hành cổ phiếu cho cổ đông lớn

- Số lượng cổ phiếu phát hành: 162.000 cổ phiếu

- Cơ sở pháp lý:

• Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 27/04/2007 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản về việc tăng vốn;

• Thông báo số 142/SPM ngày 16/05/2007 của HĐQT về việc triển khai phát hành cổ phiếu để tăng vốn;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302598530 thay đổi lần thứ 5.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch: Không có giao dịch

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty năm 2022

98530
GTY
HÂN
ẶCSẢN
HỒ C

6.1. Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp;
Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Nguyên liệu được sử dụng sản xuất và đóng gói SP trong năm 2022:

Nhà máy Bình Chánh : 5.756.776 kg

Xí nghiệp Thủy sản Ba Tri : 226.020 kg

Tổng cộng : 5.982.796 kg

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

STT	Loại năng lượng	ĐVT	Nhà máy Bình Chánh	CN XNTS Ba Tri	Tổng cộng
1	Điện	KWh	6.800.054	596.900	7.396.954
2	Dầu DO	Lít	2.000	5.000	7.000
3	Cùi thanh cây	Kg	1.782.081	0	1.782.080

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.4. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn cung cấp nước: Nước thủy cục và khai thác nước ngầm.

Stt	Nguồn cung cấp nước	ĐVT	Nhà máy Bình Chánh	CN XNTS Ba Tri	Tổng cộng
1	Thủy cục	m ³	805	0	805
2	Khai thác nước ngầm	m ³	64.563	43.200	107.763

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có



6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng cán bộ nhân viên tính đến thời điểm 31/12/2022: 654 người.

Thu nhập bình quân của người lao động/ tháng: 8.149.000 đồng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định, Công ty còn tổ chức bữa ăn chiều cho CB.CNV Công ty, xe đưa rước người lao động ở xa, hỗ trợ tiền thuê nhà cho công nhân ngoại tỉnh. Tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB.CNV trong Công ty.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng dịch theo quy định; Đăng ký các chính sách hỗ trợ Covid-19 của Nhà nước cho lao động đầy đủ theo quy định.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Tình hình hoạt động của các lĩnh vực

a1) Về xuất khẩu

- Hoạt động xuất khẩu trong năm 2022 gặp nhiều khó khăn do: chi phí logistic vẫn ở mức cao, giá nguyên liệu chính không giảm do khan hiếm nguồn cung và cạnh tranh với các đối thủ trên thị trường nguyên liệu. Ngành hàng cá ngừ xuất khẩu vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn do chi phí bao bì và nguyên liệu duy trì ở mức cao nhưng giá bán giảm, nhóm khách hàng chưa đa dạng chỉ duy trì các khách mua hàng lâu năm. Ngoài việc duy trì các đơn hàng cho các khách hàng hiện có, để giải quyết tình hình khó khăn ở mảng Cá hộp, từ quý IV/2022 Ban Điều hành mở rộng hợp tác gia công để duy trì sản lượng bù đắp chi phí và giải quyết việc làm cho người lao động.

- Đối với thị trường Châu Âu năm 2022 do tình hình lạm phát tăng cao khách hàng yêu cầu chào giá cạnh tranh trong bối cảnh giá nguyên liệu trong nước duy trì ở mức cao do chi phí khai thác tăng, làm giảm tính cạnh tranh của sản phẩm Công ty trên thị trường so với các đối thủ cùng ngành.

- Các điều kiện ràng buộc để đảm bảo tính an toàn thanh khoản đối với hoạt động xuất khẩu cũng làm hạn chế cơ hội mở rộng kinh doanh với khách hàng vì khác biệt về phương thức thông lệ mà khách hàng đang áp dụng.

- Máng nguyên liệu chính phục vụ cho các sản phẩm xuất khẩu chủ lực trong năm 2022: nguyên liệu ghe sơ chế giá biến động liên tục và duy trì ở mức cao do ảnh hưởng việc điều chỉnh thị trường nhiên liệu trong nửa đầu năm 2022, sản lượng không ổn định dẫn tới các nhà cung cấp không cam kết sản lượng cho công ty.

- Ngay từ đầu năm 2022 giá nguyên liệu dùi ếch sơ chế vẫn duy trì ở mức cao gây khó khăn cho việc giải quyết các đơn hàng tồn đọng từ năm 2021 và tiếp tục tăng, Ban điều hành phải chỉ đạo liên tục trong công tác kinh doanh để đạt hiệu quả đảm bảo việc cân đối giữa đầu vào và đầu ra, duy trì hiệu quả kinh doanh.

a2) Về gia công

- Hoạt động gia công vẫn được các khách hàng nước ngoài tín nhiệm. Hoạt động gia công ngay từ đầu được Công ty triển khai bình thường trở lại cho khách hàng sau thời gian tạm dừng do ảnh hưởng dịch bệnh của năm 2021, sản lượng gia công được duy trì và đáp ứng theo kế hoạch của khách hàng. Tuy nhiên đến giữa cuối năm 2022 tình hình thị trường tại các nước XK gặp nhiều khó khăn do đó các khách hàng đều đề nghị giảm sản lượng để giải quyết hàng hóa tồn đọng, một số khách hàng tạm dừng gia công vì phát sinh các lý do khách quan.

- Với tình hình trên, Ban Điều hành đã nỗ lực tìm kiếm thêm các khách hàng gia công mới: mực sushi, Cá bon... nhằm bù đắp phần sụt giảm sản lượng duy trì ổn định lực lượng lao động, đa dạng nguồn khách hàng gia công giảm phụ thuộc vào một số khách hàng lâu năm.

a3) Kinh doanh nội địa

- Doanh thu kinh doanh nội địa trong năm 2022 là 58,716 tỷ đồng đạt 55,9% so với kế hoạch do tình hình kinh doanh không thuận lợi, nguyên nhân vì đa số các hệ thống phân phối vẫn còn lượng hàng tồn kho lớn và sức mua giảm. Lợi nhuận chỉ đạt 43,1% kế hoạch năm 2022.

- Phòng Kinh doanh nội địa tiếp tục duy trì hợp tác với các kênh bán hàng hiện có và kênh Cholimexfood, khai thác thêm các dòng sản phẩm mới ra thị trường: thịt xay, thịt ghe đóng hộp...

- Cùng cố quan hệ đối tác lâu dài với các hệ thống siêu thị lớn. Tăng độ phủ hàng hóa của Công ty trên thị trường thông qua các kênh bán hàng của Cholimex Food tại các vùng miền.

b. Tình hình hoạt động của các đơn vị

b1) Nhà máy chế biến thủy sản Seaspimex

- Trong năm 2022, tình hình giá nguyên liệu đầu vào các ngành hàng chủ lực: ghe, cá ngừ, ếch... liên tục biến động, Công ty phải chủ động điều tiết nguồn cung phù hợp nhu cầu sản xuất kinh doanh, tránh tồn kho lớn không hiệu quả.

- Giữ vững các thị trường xuất khẩu truyền thống, duy trì quan hệ chặt chẽ với nhóm khách hàng lâu năm.

- Tiếp tục củng cố hợp tác gia công với các khách hàng nước ngoài, tuy nhiên do tình hình thị trường tiêu thụ của khách hàng sụt giảm vì biến động khách quan: lạm phát, giá nhiên liệu... làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động.

- Tổng sản lượng: 4.497,34 tấn. Trong đó:

+ Sản lượng sản xuất: 1.409,82 tấn.

+ Sản lượng gia công: 3.087,52 tấn.

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022:

+ Doanh thu toàn Nhà máy: 407,25 tỷ đồng.

+ Doanh số xuất khẩu: 12,91 triệu USD.

+ Lợi nhuận đạt giá trị: 17,26 tỷ đồng.

b2) Chi nhánh Xí nghiệp Thủy sản Ba Tri

- Năm 2022 Chi nhánh Ba Tri tiếp tục gặp khó khăn về đơn hàng XK và các giải pháp triển khai: cho thuê mặt bằng, gia công... chưa thực hiện vì nhiều nguyên nhân.

- Sản lượng sản xuất: 415,32 tấn.

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022:

+ Doanh thu thực hiện: 33,71 tỷ đồng.

+ Doanh số xuất khẩu: 0,46 triệu USD.

+ Lợi nhuận đạt giá trị: -2,6 tỷ đồng.

b3) Chi nhánh Hà Nội

- Hoạt động theo mô hình giao chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, phòng Kinh Doanh Nội Địa quản lý chỉ đạo trực tiếp.

- Kết quả kinh doanh năm 2022:

+ Doanh thu thực hiện: 8,12 tỷ đồng.

+ Lợi nhuận đạt giá trị: 0,13 tỷ đồng.

c. Kết quả thực hiện năm 2022

Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh (%)	
					Kế hoạch	Cùng kỳ
I. NHÀ MÁY SEASPIMEX						
1. Doanh thu	tỷ đồng	406.49	475.00	407.25	85.7	100.2
Trong đó Doanh số XK	triệu USD	12.15	16.10	12.91	80.2	106.3
2. Sản lượng sản xuất	tấn	1,966.72	2,170.00	1,409.82	65.0	71.7
3. Gia công	tấn	2,588.79	3,000.00	3,087.52	102.9	119.3
4. Lợi nhuận	tỷ đồng	26.64	21.34	17.26	80.8	64.8

II. CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI						
1. Doanh thu	tỷ đồng	28.63	30.00	33.71	112.4	117.8
Trong đó Doanh số XK	triệu USD	0.67	1.30	0.46	35.5	69.2
2. Sản lượng sản xuất	tấn	521.10	550.00	415.32	75.5	79.7
3. Lợi nhuận	tỷ đồng	(7.68)	1.33	(2.60)		
III. CHI NHÁNH HÀ NỘI						
1. Doanh thu	tỷ đồng	11.83	20.00	8.12	40.6	68.7
2. Lợi nhuận	tỷ đồng	1.34	1.33	0.13	9.5	9.4
IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng Nhà máy và các Chi nhánh)						
1. Doanh thu	tỷ đồng	446.94	525.00	422.08	80.4	94.4
Trong đó Doanh số XK	triệu USD	12.81	17.40	13.37	76.8	104.3
2. Sản lượng sản xuất	tấn	2,487.82	2,720.00	1,825.14	67.1	73.4
3. Sản lượng gia công	tấn	2,588.79	3,000.00	3,087.52	102.9	119.3
4. Lợi nhuận	tỷ đồng	20.30	24.00	14.79	61.6	72.9

Doanh thu thực hiện năm 2022: đã loại trừ doanh thu nội bộ. Doanh thu bao gồm doanh thu nội bộ đạt: 449,075 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính

DVT: Đồng

TÀI SẢN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100	136,365,828,222	211,607,847,740
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	36,330,443,049	30,119,433,531
1. Tiền	111	33,330,443,049	26,119,433,531
2. Các khoản tương đương tiền	112	3,000,000,000	4,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	32,797,874,078	69,625,320,005
1. Phải thu của khách hàng	131	48,760,817,631	73,321,895,104
2. Trả trước cho người bán	132	258,526,502	7,795,838,236
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	5,244,330,531	7,569,457,194
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(21,465,800,586)	(19,061,870,529)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	-

IV. Hàng tồn kho	140	60,379,422,376	107,710,237,899
1. Hàng tồn kho	141	60,379,422,376	107,710,237,899
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	6,858,088,719	4,152,856,305
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	40,000,423	421,047,788
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	6,795,526,120	3,731,770,525
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153	22,562,176	37,992
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	154	-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	-

B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200	174,306,243,925	143,715,726,265
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	300,000,000	300,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-
6. Phải thu dài hạn khác'	216	300,000,000	300,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	-	-
II. Tài sản cố định	220	115,098,830,633	124,161,793,428
1. Tài sản cố định hữu hình	221	96,035,111,667	104,404,819,186
. Nguyên giá	222	248,432,085,349	247,787,090,349
. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(152,396,973,682)	(143,382,271,163)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
. Nguyên giá	225	-	-
. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	19,063,718,966	19,756,974,242
. Nguyên giá	228	26,506,568,000	26,506,568,000
. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(7,442,849,034)	(6,749,593,758)
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
. Nguyên giá	231	-	-
. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	-	-
IV. Tài sản dài hạn dở dang	240	-	17,319,098,000

1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	17,319,098,000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	1,116,230,738	1,116,230,738
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	1,116,230,738	1,116,230,738
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	57,791,182,554	818,604,099
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	57,791,182,554	818,604,099
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	310,672,072,147	355,323,574,005

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	162,506,123,135	209,250,311,118
I. Nợ ngắn hạn	310	143,828,263,581	192,303,614,080
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	20,583,081,347	37,653,652,800
2. Người mua trả tiền trước	312	2,147,675,939	7,353,299,582
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4,109,200,273	5,597,782,114
4. Phải trả người lao động	314	11,321,644,117	16,936,427,327
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	3,535,955,786	2,525,440,741
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4,784,708,371	3,747,060,399
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	95,033,704,310	117,586,059,144
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	2,312,293,438	903,891,973
II. Nợ dài hạn	330	18,677,859,554	16,946,697,038
1. Phải trả dài hạn người bán	331	17,460,899,554	15,678,737,038
2. Phải trả dài hạn nội bộ	335	-	-

3. Phải trả dài hạn khác	337	1,216,960,000	1,267,960,000
4. Vay và nợ dài hạn	338	-	-
5. Thuế Thu nhập hoãn lại phải trả	341	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	-
8. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343	-	-

B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	148,165,949,012	146,073,262,887
I. Vốn chủ sở hữu	410	148,165,949,012	146,073,262,887
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	108,000,000,000	108,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	108,000,000,000	108,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	10,800,000,000	10,800,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	415	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	418	8,446,988,961	8,446,988,961
8. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20,918,960,051	18,826,273,926
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	10,696,442,743	4,586,429,690
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	10,222,517,308	14,239,844,236
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430	-	-
1. Nguồn kinh phí	432	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	310,672,072,147	355,323,574,005

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh): Không phát sinh biến động tài sản và nợ phải thu quá hạn.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Không

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Không

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức của Công ty nâng cao hiệu quả quản trị, tiết kiệm chi phí.

- Duy trì, phát triển những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới phù hợp với xu hướng tiêu dùng hiện đại.

- Giữ vững thị phần, tăng cường marketing thúc đẩy phát triển thị trường nội địa.

- Nâng cấp đầu tư máy móc thiết bị hiện đại nhằm nâng cao năng suất và thay thế lao động thủ công.

- Tìm giải pháp và xây dựng kế hoạch để thu hút nguồn lao động phổ thông đáp ứng nhu cầu gia tăng sản xuất của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

a) Thuận lợi và khó khăn

a1) Thuận lợi

- Chất lượng các sản phẩm hàng hóa được duy trì ổn định.

- Hoạt động gia công tiếp tục được các nhóm khách hàng tin cậy, công tác quản lý chất lượng luôn luôn được cải tiến, nâng cao.

- Duy trì ổn định được đội ngũ công nhân có thâm niên tại các công đoạn sản xuất.

- Tiếp tục triển khai các chương trình cải tiến, tiết kiệm nâng cao hiệu quả.

a2) Khó khăn

- Tình hình nguyên liệu cho các nhóm hàng chủ lực XK và nội địa năm 2023 dự báo còn gặp nhiều khó khăn do các bất ổn từ các yếu tố khách quan.

- Tiếp tục phụ thuộc nguồn vốn vay cho hoạt động SXKD.

- Chi phí bảo trì bảo dưỡng sửa chữa lớn máy móc thiết bị hạ tầng nhà xưởng, không có nguồn lực đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ.

- Tình hình thế giới tiếp tục bất ổn, lạm phát... chi phí tăng cao gây ảnh hưởng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đội ngũ cán bộ điều hành - quản lý tại các phân xưởng sản xuất sẽ nghỉ hưu trong năm 2023, cần có nhân sự kế thừa để duy trì ổn định sản xuất.

b) Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2023

Dự báo năm 2023, nhận định tình hình sản xuất kinh doanh Công ty còn phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức. Trên cơ sở đó, Ban Điều hành xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch cụ thể như sau:

Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	
			Giá trị	So sánh KH/2022 (%)
I. NHÀ MÁY SEASPIMEX				
1. Doanh thu	Tỷ đồng	407.25	420.00	103.1
Trong đó Doanh số XK	Triệu USD	12.91	15.06	116.7
1.1 Kinh doanh nội địa	Tỷ đồng	58.72	65.00	110.7
1.2 Kinh doanh xuất khẩu	Tỷ đồng	348.53	355.00	101.9
2. Sản lượng sản xuất	Tấn	1,409.82	1,500.00	106.4
3. Sản lượng gia công	Tấn	3,087.52	2,560.45	82.9
4. Lợi nhuận	Tỷ đồng	17.26	19.25	111.5
4.1 Kinh doanh nội địa	Tỷ đồng	3.23	4.55	140.9
4.2 Kinh doanh xuất khẩu	Tỷ đồng	14.03	14.70	104.8
II. CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI				
1. Doanh thu	Tỷ đồng	33.71	15.00	44.5
Trong đó Doanh số XK	Triệu USD	0.46	0.50	108.5
2. Sản lượng sản xuất	Tấn	415.32	440.00	105.9
3. Lợi nhuận	Tỷ đồng	(2.60)	-	0.0
III. CHI NHÁNH HÀ NỘI				
1. Doanh thu	Tỷ đồng	8.12	15.00	184.8
2. Lợi nhuận	Tỷ đồng	0.13	0.75	595.2
IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng các thành viên)				
1. Doanh thu	Tỷ đồng	422.08	450.00	106.6
Trong đó Doanh số XK	Triệu USD	13.37	15.56	116.4
2. Sản lượng sản xuất	Tấn	1,825.14	1,940.00	106.3
3. Sản lượng gia công	Tấn	3,087.52	2,560.45	82.9
4. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	14.79	20.00	135.2

c) Các kiến nghị và giải pháp

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, nâng cao hiệu quả quản trị, triển khai các chương trình cải tiến sản xuất, tiết kiệm chi phí.

- Duy trì, phát triển những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển ít nhất 05 sản phẩm mới, trong đó chú trọng cho thị trường nội địa theo hướng giá trị gia tăng từ các nguyên liệu chính của Công ty.

- Thực hiện cải tiến mẫu mã, bao bì, hệ nhận diện cho các sản phẩm Công ty.

- Cải tiến quy trình sản xuất đồ hộp, xem xét lại chi phí hợp lý nhóm hàng Cá hộp nhằm tạo lợi thế cạnh tranh cho mảng xuất khẩu trong 2023.

- Tăng cường nhân sự cho bộ phận kinh doanh XK, duy trì kinh doanh sản phẩm Ghẹ đóng lon XK vào thị trường Mỹ.

- Tìm cơ hội cho thuê một phần nhà xưởng Chi nhánh Ba Tri; triển khai cho Chi nhánh sản xuất và gia công bán thành phẩm: thịt ghẹ, đùi ếch giao về Công ty mẹ.

- Tập trung đầu tư cho kênh bán hàng nội địa: kênh siêu thị, cửa hàng tiện ích, bếp ăn tập thể (Nhà máy, trường học, ...); giữ vững thị phần, chú trọng gia tăng doanh thu nội địa trong tổng doanh thu toàn Công ty, tiếp tục hợp tác bán hàng với Cholimexfood và giao Chi nhánh Hà Nội mở rộng khai thác tại thị trường miền Bắc ngay từ đầu tháng 01/2023; mở rộng địa bàn miền Trung và Tây Nam Bộ; kênh thương mại điện tử.

- Tiếp tục rà soát toàn diện quy trình thu mua nguyên vật liệu, sản xuất, bán hàng để kéo giảm giá thành sản phẩm, định mức tiêu hao nguyên vật liệu gia công.

- Nghiên cứu, đề xuất với HĐQT cơ chế phù hợp để tạo điều kiện cho công tác bán hàng XK.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Về tiêu thụ nước và năng lượng phục vụ cho quá trình sản xuất, Công ty luôn chú trọng sử dụng tiết kiệm.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định, Công ty còn tổ chức bữa ăn chiều cho CB.CNV Công ty, xe đưa rước CNV ở xa, hỗ trợ tiền thuê nhà cho CNV ngoại tỉnh. Tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB.CNV trong Công ty.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng dịch theo quy định; Thực hiện các chính sách hỗ trợ Covid-19 của Nhà nước cho lao động đầy đủ theo quy định.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty hỗ trợ trao quà cho các hộ khó khăn tại địa phương vào dịp Tết Nguyên đán, đồng thời đóng góp ủng hộ các công tác văn hóa, xã hội khác cho địa phương khi có phát động phong trào.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1) Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

- Tình hình kinh doanh Xuất khẩu của Công ty từ đầu năm 2022 tiếp tục gặp khó khăn do đơn đặt hàng Thịt ghẹ đóng hộp, Đùi ếch đông lạnh giảm mạnh tại thị trường Mỹ và châu Âu so với năm 2021.

- Trong nước, giá cá ngừ nguyên liệu tăng từ 5-10%, nguyên vật liệu, bao bì, dầu nành... tăng trên 10% làm giảm hiệu quả lợi nhuận của Phòng kinh doanh nội địa.

- Chi phí đầu vào PKDXNK tiếp tục tăng, cụ thể:

+ Chi phí logistic tăng ít nhất 130%.

+ Nhóm vật tư bao bì carton xuất khẩu tăng 5-10%; phụ liệu 20%.

+ Nhóm nguyên liệu Éch sơ chế tăng 40% từ cuối năm 2021 và duy trì đến hết Quý I/2022; từ quý II/2022 đến hiện nay Đùi éch nguyên liệu tăng hơn 20% với cùng kỳ; nhóm thịt ghe sơ chế duy trì ở mức giá cao. Với tình hình tăng giá nguyên liệu chính Công ty đã tích cực đàm phán khách hàng để điều chỉnh giá bán phù hợp tuy nhiên chỉ có rất ít khách hàng đồng ý và phải tạm dừng hợp đồng với 1 số khách hàng.

- Vốn duy trì cho hoạt động sản xuất kinh doanh sử dụng 100% vào nguồn vốn vay do đó Ban Điều hành và các đơn vị nghiệp vụ phải điều tiết linh hoạt các khoản chi nhằm giảm chi phí vay đồng thời duy trì liên tục cho hoạt động sản xuất.

- Hoạt động gia công xuất khẩu bị sụt giảm do tình hình lạm phát tăng cao tại Nhật. Đến đầu quý II/2022 1 số khách hàng gia công đề nghị giảm sản lượng do tồn kho hàng hóa chưa tiêu thụ.

- Các vấn đề liên quan trong quan hệ kinh doanh với khách hàng ghe cao cấp bắt đầu phát sinh ngay từ đầu năm 2022 và xử lý kéo dài đến hiện nay. Việc trích lập các khoản dự phòng để xử lý làm gia tăng chi phí trong năm. Trong 6 tháng cuối năm đơn hàng Ghe đóng lon bị giảm 80% so với cùng kỳ 2021.

- Cơ sở hạ tầng nhà xưởng ngày càng xuống cấp, máy móc phát sinh chi phí sửa chữa để đảm bảo duy trì liên tục cho hoạt động sản xuất, làm tăng thêm gánh nặng chi phí cho Công ty.

- Trong năm 2022, Ban Điều hành tiếp tục tinh gọn nhân sự tại Chi nhánh Ba Tri. Tuy nhiên do tình hình đơn hàng xuất khẩu bị giảm làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả của Xí nghiệp Ba Tri.

2) Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

- Ban Điều hành đã tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty để triển khai thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 do Đại hội đồng cổ đông giao; chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Triển khai thực hiện đầy đủ các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

- Thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý, 06 tháng và báo cáo năm về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty cho Hội đồng quản trị; báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.

- Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, đảm bảo cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.

- Tuân thủ nghiêm túc và đầy đủ các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước.

- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, minh bạch và đúng quy định.

- Thực hiện tốt các chính sách chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, quan tâm công tác đào tạo nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn của cán bộ nhân viên Công ty.



3) Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

STT	Các thành viên	Doanh thu (tỷ đồng)	Xuất khẩu (triệu USD)	Sản xuất (tấn)	Gia công (tấn)
1	Nhà máy Seaspimex	420	15.06	1.500	2,560.45
2	Chi nhánh Ba Tri	15	0.5	440	
3	Chi nhánh Hà Nội	15			
Tổng cộng		450	15.56	1,940	2,560.45

Tổng lợi nhuận trước thuế toàn Công ty năm 2022: 20,0 tỷ đồng

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập		Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm			
1	Ông Huỳnh An Trung	Chủ tịch HĐQT	20/4/2019	-	-	-	-
2	Ông Trần Phước Thái	Thành viên HĐQT không điều hành	14/5/2016	-	1.944.000	18	Đại diện vốn TCty TS VN
3	Ông Diệp Nam Hải	Thành viên HĐQT không điều hành	12/6/2020	-	-	-	-
4	Ông Đặng Thành Trung	Thành viên HĐQT	12/6/2020	-	-	-	-
5	Ông Lê Văn Hùng	Thành viên HĐQT không điều hành	09/4/2021	-	-	-	-

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ phụ trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã tổ chức 09 cuộc họp định kỳ và đột xuất, trong đó có 04 cuộc họp trực tiếp và 05 cuộc họp gián tiếp (qua thư điện tử) để lấy ý kiến nhằm kịp thời hỗ trợ công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các cuộc họp được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ và Quy chế Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên và được lưu giữ theo đúng quy định.

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Huỳnh An Trung	09/09	100%	
2	Ông Trần Phước Thái	09/09	100%	
3	Ông Diệp Nam Hải	08/09	87,5%	Trùng lịch công tác, có ủy quyền cho ông Huỳnh An Trung
4	Ông Đặng Thành Trung	09/09	100%	
5	Ông Lê Văn Hùng	09/09	100%	

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2022:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-TĐS-HĐQT	14/01/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo số 07/BC-TĐS-TGD ngày 10/01/2022 của TGD về kết quả SXKD năm 2021 và kế hoạch năm 2022. - Báo cáo số 01/BC-TĐS-TGD ngày 07/01/2022 về quá trình thực hiện hồ sơ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. - Tờ trình số 05/TTr-TĐS-TGD ngày 07/01/2022 của TGD về việc khen thưởng cho HĐQT, BKS, Ban điều hành. 	100%
2	02/NQ-TĐS-HĐQT	15/02/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất thông qua việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022. - Ủy quyền cho CT HĐQT thay mặt HĐQT thực hiện và ký các hồ sơ thủ tục có liên quan để triệu tập tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 theo đúng quy định. - Giao TGD triển khai thực hiện, chuẩn bị nội dung Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022. 	100%
3	03/NQ-TĐS-HĐQT	16/02/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022. Ban tổ chức có nhiệm vụ chuẩn bị hồ sơ, thủ tục; chuẩn bị công tác hậu cần và triển khai tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022. 	100%
4	04/NQ-TĐS-HĐQT	15/02/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất thông qua nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Thống nhất thông qua Địa điểm dự kiến tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2022. 	100%

5	05/NQ-TĐS-HĐQT	10/3/2022	Nghị quyết thông qua Quy chế Công bố thông tin Công ty CP Thủy Đặc Sản.	100%
6	06/QĐ-TĐS-HĐQT	10/3/2022	- Quyết định ban hành Quy chế Công bố thông tin Công ty CP Thủy Đặc Sản. - Giao Người phụ trách quản trị Công ty thực hiện CBTT và giám sát thực hiện quy chế theo quy định.	100%
7	07/NQ-TĐS-HĐQT	10/3/2022	- Thống nhất miễn nhiệm chức danh Trưởng CN Hà Nội Công ty CP Thủy Đặc Sản đối với bà Ngô Thị Phương kể từ ngày 28/3/2022. - Thống nhất Bổ nhiệm ông Bùi Dương Quang Tuấn Phó Phòng KDND Công ty giữ chức danh Giám đốc CN Công ty CP Thủy Đặc Sản tại Hà Nội từ ngày 28/3/2022. - Thống nhất ông Bùi Dương Quang Tuấn là người đứng đầu CN Công ty CP Thủy Đặc Sản tại Hà Nội kể từ ngày 28/3/2022. - Thống nhất thay đổi địa chỉ đăng ký hoạt động CN Công ty CP Thủy Đặc Sản tại Hà Nội. - Giao Người đại diện theo pháp luật Công ty thực hiện hồ sơ thủ tục thay đổi Người đứng đầu CN Công ty CP Thủy Đặc Sản tại Hà Nội.	100%
8	08/NQ-TĐS-HĐQT	10/3/2022	Thông qua chủ trương thực hiện giao dịch trong năm 2022 giữa Công ty CP Thủy Đặc Sản với cổ đông lớn và người có liên quan gồm Công ty CP Transimex, Công ty CPTP Cholimex, Công ty CPXNK và Đầu tư Chợ Lớn.	100%
9	09/NQ-TĐS-HĐQT	10/3/2022	- Đồng ý sử dụng hạn mức tín dụng ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền là 100 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động năm 2022. - Thông qua Phương án sử dụng vốn ngày 08/03/2022 của Công ty CP Thủy Đặc Sản. - Giao chủ tịch HĐQT Công ty CP Thủy Đặc Sản đại diện ký hợp đồng thế chấp, biên bản định giá, đơn đăng ký giao dịch bảo đảm, biên bản giao nhận tài sản và các hồ sơ, giấy tờ khác liên quan đến việc thế chấp tài sản bảo đảm với Agribank CN Sài Gòn.	100%
10	10/NQ-TĐS-HĐQT	10/3/2022	Thống nhất bổ sung vốn lưu động năm 2022 với hạn mức 40 tỷ đồng vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thủ Thiêm.	100%
11	11/QĐ-TĐS-HĐQT	10/3/2022	Quyết định liên quan đến các giao dịch tín dụng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.	100%
12	12/QĐ-TĐS-HĐQT	18/3/2022	Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động bà Ngô Thị Phương - Trưởng Chi nhánh Công ty CP Thủy Đặc Sản tại Hà Nội.	100%
13	13/NQ-TĐS-HĐQT	01/4/2022	- Thống nhất hủy và không ban hành Nghị Quyết đối với nội dung xin ý kiến theo tờ trình số 29/TTr-TĐS-HĐQT ngày 28/3/2022. - Thống nhất không đưa nội dung miễn chào mua công khai vào chương trình họp ĐHCĐ thường niên năm 2022 theo đề nghị của Công ty CP Transimex tại	100%

			văn bản thu hồi số 117/TMS ngày 28/3/2022.	
14	14/NQ-TĐS-HĐQT	23/5/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để phục vụ SXKD Công ty. - Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký các văn bản có liên quan và chỉ đạo thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng quy định hiện hành. 	80%
15	15/NQ-TĐS-HĐQT	23/5/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Triển khai phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 thông qua. - Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỉ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty. - HĐQT giao TGD Công ty triển khai thực hiện phương án phát hành. - Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký các văn bản có liên quan và chỉ đạo thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng quy định hiện hành. 	80%
16	16/NQ-TĐS-HĐQT	23/5/2022	Miễn nhiệm chức danh Phó TGD Công ty (ông Nguyễn Minh Thi) theo đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản tại Tờ trình số 179/TTr-TĐS-TGD ngày 22/4/2022.	100%
17	17/NQ-TĐS-HĐQT	23/5/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Bãi nhiệm chức danh Giám đốc KD – Xuất nhập khẩu Công ty đối với ông Phạm Thế Duy - Bổ nhiệm bà Phan Đỗ Hoàng Anh – Trưởng Phòng KDXNK giữ chức danh Giám đốc KD – Xuất nhập khẩu Công ty. 	100%
18	18/QĐ-TĐS-HĐQT	23/5/2022	Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động ông Nguyễn Minh Thi kể từ ngày 20/5/2022.	100%
19	19/QĐ-TĐS-HĐQT	23/5/2022	Quyết định bãi nhiệm chức danh Giám đốc Kinh doanh – Xuất nhập khẩu (ông Phạm Thế Duy) kể từ ngày 20/5/2022.	100%
20	20/QĐ-TĐS-HĐQT	23/5/2022	Bổ nhiệm bà Phan Đỗ Hoàng Anh – Trưởng Phòng KDXNK giữ chức danh Giám đốc KD – Xuất nhập khẩu kể từ ngày 20/5/2022.	100%
21	21/NQ-TĐS-HĐQT	24/5/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành nợ UNCK. - Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký các văn bản có liên quan và chỉ đạo thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng quy định hiện hành. 	80%
22	22/NQ-TĐS-HĐQT	14/7/2022	Thông nhất thông qua kết quả 6 tháng đầu năm 2022 và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2022.	100%
23	23/NQ-TĐS-HĐQT	14/7/2022	Thông qua tờ trình số 56/TTr-TĐS-HĐQT ngày 07/7/2022 về việc quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức năm 2021.	100%

24	24/NQ-TĐS-HĐQT	14/7/2022	Thông qua chủ trương đồng ý vay vốn của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Khu công nghiệp Vĩnh Lộc – Bến Lức.	100%
25	25/NQ-TĐS-HĐQT	14/7/2022	Thông qua lộ trình dự kiến thực hiện và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng và việc trả cổ tức bằng tiền mặt.	80%
26	26/NQ-TĐS-HĐQT	14/7/2022	Thông qua thứ tự mục đích ưu tiên sử dụng vốn huy động từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	80%
27	27/NQ-TĐS-HĐQT	20/10/2022	Thông nhất thông qua kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2022 và kế hoạch 3 tháng cuối năm 2022.	100%
28	28/NQ-TĐS-HĐQT	20/10/2022	- Thông nhất miễn nhiệm chức danh Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Thủy Đặc Sản tại Hà Nội đối với ông Bùi Dương Quang Tuấn kể từ ngày 21/10/2022. - Thông nhất Bổ nhiệm ông Mai Thế Vĩnh giữ chức danh Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Thủy Đặc Sản tại Hà Nội kể từ ngày 21/10/2022.	100%
29	29/NQ-TĐS-HĐQT	20/10/2022	Thông qua Tờ trình số 85/TTr-TĐS-HĐQT ngày 20/10/2022 về việc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.	100%
30	30/NQ-TĐS-HĐQT	21/12/2022	Tạm dừng thực hiện phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

đ) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát
Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS).

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Phạm Văn Tranh	Trưởng BKS	Ngày bắt đầu: 24/4/2018	Cử nhân Kinh tế	0	0
2	Bà Vũ Thị Hồng Gấm	Thành viên BKS	Ngày bắt đầu: 24/4/2018	Cử nhân Kinh tế	0	0
3	Ông Phạm Xuân Quang	Thành viên BKS	Ngày bắt đầu: 01/9/2021	Thạc sĩ Kế toán	0	0

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Văn Tranh	3/3	100%	3/3	
2	Bà Vũ Thị Hồng Gấm	3/3	100%	3/3	
3	Ông Phạm Xuân Quang	3/3	100%	3/3	

- Kiểm tra, giám sát việc quản lý và thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty và Ban Điều hành.

- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh trong niên độ tài chính năm 2022 theo đúng pháp luật của nhà nước.

- Tham gia các buổi họp của HĐQT, xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Tổng Giám đốc trong công tác quản lý.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét Báo cáo tài chính 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (Vietvalues).

- Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty, việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, bao gồm các nghĩa vụ thuế, chế độ bảo hiểm, quyền lợi cho người lao động và các nghĩa vụ tài chính khác.

- Ban Kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát; nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

- Thù lao của Ban Kiểm soát trong năm 2022 là 132.000.000 đồng.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Trong năm 2022, Công ty đã chi trả tổng số thù lao công vụ cho thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT với tổng mức thù lao là 576.000.000 đồng (năm trăm bảy mươi sáu triệu đồng chẵn) theo nội dung Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2022 đã thông qua, cụ thể như sau:

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thư ký HĐQT năm 2022:

STT	Chức danh	Số người	Số tháng	Mức thù lao (đồng/tháng)	Tổng số tiền thù lao (đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	12	10.000.000	120.000.000
2	Thành viên HĐQT	04	12	6.000.000	288.000.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	01	12	5.000.000	60.000.000

4	Thành viên BKS	02	12	3.000.000	72.000.000
5	Thư ký HĐQT	01	12	3.000.000	36.000.000
Tổng cộng					576.000.000

Thù lao của thành viên HĐQT, thành viên BKS, thư ký HĐQT năm 2022 là: **576.000.000 đồng (1)**

Báo cáo lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2022:

Năm 2022, Ban Điều hành Công ty bao gồm 04 thành viên trong đó có:

- 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm công việc điều hành của Công ty (kiêm nhiệm Tổng Giám đốc Công ty);

- 03 (ba) thành viên chuyên trách điều hành Công ty (02 Phó Tổng Giám đốc + 01 Kế toán trưởng);

- Năm 2022, Công ty đã thực hiện việc chi trả tiền lương, thưởng theo đúng quy chế tiền lương của Công ty cho Tổng Giám đốc với số tiền: 1.089.727.454 đồng (*một tỷ không trăm tám mươi chín triệu bảy trăm hai mươi bảy ngàn bốn trăm năm mươi bốn đồng*).

- Tổng mức lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2022 là: **2.684.438.172 đồng** (*Hai tỷ sáu trăm tám mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn một trăm bảy mươi hai đồng*) (2)

- Tổng mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thư ký HĐQT; Lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2022 là:

(1) + (2) = 3.260.438.172 đồng (*ba tỷ hai trăm sáu mươi triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn một trăm bảy mươi hai đồng*).

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1							

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHDCD/HĐQT... thông qua (nếu có, ...)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty CP Transimex	Cổ đông lớn	0301874259	172 (lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM	08/5/2020	Nghị quyết 08 /NQ-TĐS-HĐQT ngày 10/3/2022	Hợp đồng nguyên tắc về dịch vụ vận chuyển, Tổng giá trị theo thực tế sử dụng dịch vụ	Giao dịch thời điểm chưa là cổ đông lớn.
2	Công ty CP Thực phẩm Cholimex	Người có liên quan với Người nội bộ	030447574	Lô C40-43/I, lô C51-55/II, đường số 7, KCN.Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, H. Bình Chánh, TP.HCM	16/12/2019		Hợp đồng nguyên tắc về mua bán hàng hóa, Tổng giá trị theo thực tế từng đợt mua bán hàng hóa	
3	Công ty CP Thực phẩm Cholimex	Người có liên quan với Người nội bộ	030447574	Lô C40-43/I, lô C51-55/II, đường số 7, KCN.Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, H. Bình Chánh, TP.HCM	01/4/2021		Hợp đồng nguyên tắc về mua bán hàng hóa, Tổng giá trị theo thực tế từng đợt mua bán hàng hóa	
4	Chi nhánh Công ty CP XNK và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) – Trung tâm Thương mại Cholimex	Người có liên quan với Người nội bộ	0301307933-007	631 Nguyễn Trãi, P.11, Q.5 TP.HCM	03/02/2020		Hợp đồng nguyên tắc về mua bán hàng hóa, Tổng giá trị theo thực tế từng đợt mua bán hàng hóa	

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt về quản trị công ty để áp dụng phù hợp, mang lại hiệu quả.

đ) Các lưu ý khác của HĐQT:

Ngày 21/12/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 30/NQ-TĐS-HĐQT về việc tạm dừng phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và xin dừng xem xét, rút hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng đã nộp UBCKNN do xét thấy tình hình thị trường hiện tại không thuận lợi cho việc triển khai chào bán, ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty và quyền lợi của Cổ đông. Nghị quyết đã được Công ty công bố

thông tin đầy đủ theo đúng quy định. Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất, Hội đồng quản trị Công ty sẽ báo cáo và xin ý kiến Đại hội về việc thực hiện chào bán cổ phiếu vào một thời điểm phù hợp, đảm bảo lợi ích của Công ty cũng như quyền lợi của Cổ đông, tuân thủ quy định pháp luật.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính (tổng hợp) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (tổng hợp)”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Chi tiết về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 xin vui lòng xem tại trang web: www.seaspimex.com.vn (Trang Thông tin cổ đông → Báo cáo tài chính năm 2022).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY**



Huỳnh An Trung

